

**BẢN TIN TÀI CHÍNH & THUẾ**

**QUÝ 2 NĂM 2019**

# Kỳ 15/09/201C:\Users\Laptop VINHLINK\Desktop\5.jpg



# Nội dung Trang

# THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT) 3-6

# THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN) 7-11

# THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN) 12-14

# NỘI DUNG KHÁC 15-18

****



**- Ngày 03/04/2019, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 18/2019/TT-BTC bãi bỏ toàn bộ Thông tư 134/2014/TT-BTC ngày 12/09/2014 hướng dẫn thủ tục gia hạn thời hạn nộp thuế và hoàn thuế giá trị gia tăng đối với máy móc, thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư, theo đó:**

Thông tư 134/2014/TT-BTC ngày 12/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục gia hạn thời hạn nộp thuế và hoàn thuế giá trị gia tăng đối với máy móc, thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư bị bãi bỏ toàn bộ.

Bên cạnh đó, Thông tư này còn quy định trong trường hợp doanh nghiệp đã nộp Hồ sơ xin gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng nhập khẩu hoặc Hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của Thông tư 134/2014/TT-BTC, trước ngày 20/05/2019 thì việc giải quyết gia hạn nộp thuế do cơ quan hải quan thực hiện theo quy định tại Thông tư 134/2014/TT-BTC.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 20/05/2019.

**- Ngày 03/04/2019 Tổng cục thuế ban hành Công văn số 1182/TCT-CS về chính sách thuế GTGT, tài nguyên đối với sản phẩm cát xuất khấu, theo đó:**

- Từ ngày 01/07/2016 đến trước ngày 01/02/2018:

Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản chưa chế biến thành sản phẩm khác thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản đã chế biến thành sản phẩm khác thuộc đối tượng phải xác định tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm để áp dụng chính sách thuế giá trị gia tăng phù hợp.

- Từ ngày 01/02/2018 đến nay:

Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản chưa chế biến thành sản phẩm khác thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến trực tiếp từ nguyên liệu chính là tài nguyên, khoáng sản thuộc đối tượng phải xác định tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm để áp dụng chính sách thuế giá trị gia tăng phù hợp, trừ một số trường hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Luật thuế giá trị gia tăng.

- Giá tính thuế tài nguyên được trừ chi phí chế biến chỉ áp dụng đối với sản phẩm công nghiệp bán ra. Việc xác định sản phẩm bán ra sau quá trình chế biến là sản phẩm công nghiệp hay không phải sản phẩm công nghiệp do Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện theo thẩm quyền.

**- Ngày 09/05/2019 Tổng Cục Thuế ban hành công văn số 1851/TCT-CS thuế suất thuế GTGT với dịch vụ quảng cáo cung ứng tại Việt nam:**

Theo Tổng cục thuế, dịch vụ quảng cao cung ứng tại Việt Nam cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài không được áp dụng thuế suất thuế GTGT là 0% mà áp dụng thuế suất thuế GTGT là 10%.

**- Ngày 04/06/2019 Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 2260/TCT-CS về việc khấu trừ, hoàn thuế GTGT đối với chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, theo đó:**

Trường hợp doanh nghiệp tư nhân chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV nhưng MST, vốn, chủ sở hữu không thay đổi và Công ty mới sau khi chuyển đổi kế thừa toàn bộ nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp cũ thì Công ty mới được kế thừa số thuế GTGT chưa khấu trừ hết của doanh nghiệp cũ để chuyển khấu trừ sang kỳ tiếp theo.

**- Ngày 04/06/2019 Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 2252/TCT-CS về chính sách thuế, theo đó:**

Quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định 209/2013/NĐ-CP, hoạt động "chiếu sáng công cộng" thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT đầu ra.

Về nguyên tắc, hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng để chiếu sáng công cộng không được khấu trừ thuế GTGT (khoản 1 Điều 9 Nghị định 209/2013/NĐ-CP).

Đối với hoạt động thi công xây dựng đường điện chiếu sáng, Tổng cục Thuế yêu cầu doanh nghiệp trình bày cụ thể với cơ quan thuế quản lý để được hướng dẫn chi tiết.

**- Ngày 12/04/2019 Tổng cục Thuế ban hành công văn số 1371/TCT-KK hướng dẫn Cục Thuế tỉnh TP Hà Nội về thuế GTGT vãng lai ngoại tỉnh, theo đó:**

Theo đó, trường hợp Công ty có trụ sở chính tại Hà Nội phát sinh hợp đồng cung cấp máy móc trang thiết bị giảng dạy cho đơn vị tại tỉnh Phú Thọ, hình thức hợp đồng cung cấp trọn gói bao gồm các loại thuế, chi phí vận chuyển, lắp đặt hiệu chỉnh chạy thử và chuyển giao công nghệ thì Công ty kê khai, nộp thuế GTGT đối với hoạt động cung cấp, lắp đặt, thi công công trình tại Phú Thọ theo hướng dẫn tại điểm đ Khoản 1 Điều 11 và Khoản 6 Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 và Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2017).

**- Ngày 07/05/2019 Tổng cục thuế ban hành Công văn số 1788/TCT-DNL về khai thuế GTGT đối với hàng bán trả lại, theo đó:**

Trường hợp doanh nghiệp đang dừng kinh doanh có thời hạn nhưng phát sinh trả lại hàng cho người bán là doanh nghiệp khác theo phán quyết của tòa án nhưng không lập hóa đơn hàng bán trả lại mà có văn bản xác nhận giao dịch trả lại hàng giữa 3 bên gồm bên mua, bên bán và ngân hàng bảo lãnh thì giao dịch trả lại hàng là căn cứ để tính nghĩa vụ nợ của doanh nghiệp khi xử lý tranh chấp giữa các bên. Cục thuế quản lý trực tiếp sẽ xác định số thuế GTGT của doanh nghiệp còn phải nộp hoặc còn được khấu trừ sau khi tính đến việc điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào đối với hàng hóa đã trả lại nêu trên. Khi doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trở lại, Cục thuế có trách nhiệm chỉ đạo giám sat, xử lý nghiêm hành vi vi phạm của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

**- Ngày 9/5/2019 Tổng Cục thuế ban hành Công văn số 1851/TCT-CS về chính sách thuế GTGT, theo đó:**

Tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số [100/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/nghi-dinh-100-2016-nd-cp-huong-dan-luat-thue-gia-tri-gia-tang-thue-tieu-thu-dac-biet-quan-ly-thue-sua-doi-318277.aspx) ngày 1/7/2016 của Chính phủ hướng dẫn:

“ - Các dịch vụ sau cung ứng tại Việt Nam cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài không được áp dụng thuế suất 0% gồm:

+ Thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật, văn hóa, giải trí, hội nghị, khách sạn, đào tạo, quảng cáo, du lịch lữ hành;

+ Dịch vụ thanh toán qua mạng;

+ Dịch vụ cung cấp gắn với việc bán, phân phối, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa tại Việt Nam.”

Tại Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính về thuế GTGT hướng dẫn:

“Thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không được quy định tại Điều 4, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này.”

Căn cứ vào hướng dẫn nêu trên, dịch vụ quảng cáo cung ứng tại Việt Nam cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài không được áp dụng thuế suất 0%; dịch vụ quảng cáo cung ứng tại Việt Nam được áp dụng thuế suất thuế GTGT là 10%.

**- Công văn số 1783/TCT-CS ngày 06/5/2019 về thuế suất thuế GTGT đối với hoạt động nhận thầu xây dựng công trình nhà ở xã hội**

Mức thuế suất 5% áp dụng đối với Bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội là nhà ở do Nhà nước hoặc tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng và đáp ứng các tiêu chí về nhà ở, về giá bán nhà, về giá cho thuê, về giá cho thuê mua, về đối tượng, điều kiện được mua, được thuê, được thuê mua nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở.

Mức thuế suất 10% áp dụng đối với hoạt động xây dựng công trình.

Theo đó, trường hợp Công ty nhận thầu thi công xây dựng công trình nhà ở xã hội do Trung tâm quản lý nhà và chung cư làm chủ đầu tư thì hoạt động xây dựng của Công ty thuộc diện áp dụng thuế suất thuế GTGT 10%. Khi Trung tâm quản lý nhà và chung cư bán nhà ở xã hội (nhà đáp ứng tiêu chỉ về nhà ở, về giá bán) cho các đối tượng đáp ứng quy định về điều kiện được mua nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở thì nhà ở xã hội bán ra thuộc diện áp dụng thuế suất thuế GTGT 5%.

**- Ngày 08/5/2019 Tổng Cục thuế ban hành Công văn số 1815/TCT-CS về thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu để xây dựng, lắp đặt công trình cho doanh nghiệp chế xuất**

Trường hợp doanh nghiệp nội địa nhập khẩu hàng hóa để xây dựng, lắp đặt công trình cho doanh nghiệp chế xuất theo hợp đồng đã ký kết với doanh nghiệp chế xuất thì phải nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu. Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình cho doanh nghiệp chế xuất được áp dụng thuế suất thuế GTGT là 0% nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

**- Ngày 24/6/2019 Tổng Cục thuế ban hành Công văn số 2534/TCT-CS về chi phí và thủ tục tiêu hủy hàng lỗi, hàng kém chất lượng ở nước ngoài**

Trường hợp Công ty có hàng hóa không đảm bảo chất lượng, sai quy cách không đáp ứng yêu cầu của hợp đồng phải tiêu hủy hoặc phục chế hàng hóa thì chi phí tiêu hủy hàng hóa hỏng không thuộc trường hợp bất khả kháng là khoản chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế; chi phí sửa chữa, phục chế hàng hóa lỗi tại nước ngoài hoặc nhập về nước để sửa chữa và tái xuất khẩu là chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính

**- Ngày 25/03/2019 Cục Thuế TP. Hà Nội ban hành Công văn số 11231/CT-TTHT về chính sách thuế GTGT liên quan đến hoạt động khuyến mại, theo đó:**

Hàng hóa khuyến mại mặc dù được miễn thuế GTGT (khoản 5 Điều 7 Thông tư 219/2013/TT-BTC) nhưng không được miễn lập hóa đơn.

Khi xuất hàng khuyến mại, Công ty vẫn phải lập hóa đơn, trên hóa đơn ghi tên, số lượng hàng hóa và ghi rõ là hàng khuyến mại (khoản 9 Điều 3 Thông tư 26/2015/TT-BTC).

Lưu ý, hàng khuyến mại chỉ được miễn thuế GTGT khi thực hiện khuyến mại đúng quy định của pháp luật thương mại. Ngược lại, nếu không thực hiện đúng quy định của pháp luật thương mại thì phải tính nộp thuế GTGT như hàng bán.

|  |
| --- |
|  |



**- Ngày 12/07/2019 Bộ tài chính ban hành Thông tư số 43/2019/TT-BTC hướng dẫn quy định tại khoản 4, điều 24 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018**

Các khoản chi phí đầu tư xây dựng, vận hành hoặc thuê nhà chung cư và các công trình kết cấu hạ tầng xã hội phục vụ cho công nhân làm việc tại khu công nghiệp, khu kinh tế của doanh nghiệp có dự án đầu tư trong Khu công nghiệp, Khu kinh tế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

+ Đối với giá trị tài sản cố định: Được tính vào giá trị công trình và trích khấu hao tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp nếu đáp ứng điều kiện là tài sản cố định theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

+ Đối với chi phí (trừ trường hợp nêu tại điểm a Khoản 1 Điều này): Được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Ưu đãi đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, công trình văn hóa, thể thao, công trình kết cấu hạ tầng xã hội phục vụ công nhân làm việc tại khu công nghiệp, khu kinh tế

Dự án đầu tư xây dựng nhà ở, công trình văn hóa, thể thao, công trình kết cấu hạ tầng xã hội phục vụ công nhân làm việc tại khu công nghiệp, khu kinh tế được hưởng ưu đãi theo quy định pháp luật về xây dựng nhà ở xã hội và pháp luật có liên quan.

- **Ngày 03/04/2019 Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 1191/TCT-CS về thuế TNDN từ chuyển nhượng bất động sản, theo đó:**

Quy định tại Điều 2 Thông tư 96/2015/TT-BTC cho phép doanh nghiệp được bù trừ lãi từ hoạt động sản xuất kinh doanh với lỗ từ kinh doanh bất động sản (BĐS), tuy nhiên không cho bù trừ chiều ngược lại - lãi từ kinh doanh BĐS với lỗ từ sản xuất kinh doanh.

Trường hợp doanh nghiệp phát sinh lãi từ chuyển nhượng BĐS thì không được kê khai bù trừ với số lỗ từ sản xuất kinh doanh, toàn bộ tiền lãi từ chuyển nhượng BĐS phải tính nộp thuế TNDN.

Trường hợp doanh nghiệp làm thủ tục giải thể doanh nghiệp, sau khi có quyết định giải thể nếu có chuyển nhượng bất động sản là tài sản cố định của doanh nghiệp thì thu nhập lãi từ chuyển nhượng bất động sản (nếu có) được bù trừ với lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh (bao gồm cả số lỗ của các năm trước được chuyển sang theo quy định) vào kỳ tính thuế phát sinh hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

**- Ngày 13/3/2019 Tổng Cục thuế ban hành Công văn số 803/TCT-CS về chính sách thuế, theo đó:**

Doanh nghiệp phải thực hiện thông báo phương pháp trích khấu hao TSCĐ mà doanh nghiệp lựa chọn áp dụng với cơ quan thuế trực tiếp quản lý trước khi thực hiện trích khấu hao. Việc xác định khoản khấu hao TSCĐ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN thực hiện theo quy định về trích khấu hao TSCĐ và pháp luật thuế TNDN hiện hành.

 Doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể được lựa chọn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số [200/2014/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/thong-tu-200-2014-tt-btc-huong-dan-che-do-ke-toan-doanh-nghiep-263599.aspx) nhưng phải thông báo cho cơ quan thuế quản lý doanh nghiệp và phải thực hiện nhất quán trong năm tài chính. Tại Thông tư số [200/2014/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/thong-tu-200-2014-tt-btc-huong-dan-che-do-ke-toan-doanh-nghiep-263599.aspx) và Thông tư số [133/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/thong-tu-133-2016-tt-btc-huong-dan-che-do-ke-toan-doanh-nghiep-nho-va-vua-284997.aspx) nêu trên không quy định thời hạn thông báo với cơ quan thuế, do đó trường hợp doanh nghiệp thông báo chậm hoặc chưa thông báo với cơ quan thuế khi áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư [200/2014/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/thong-tu-200-2014-tt-btc-huong-dan-che-do-ke-toan-doanh-nghiep-263599.aspx) , cơ quan thuế chưa có cơ sở để không chấp nhận việc áp dụng chế độ kế toán của doanh nghiệp.

Trường hợp có căn cứ xác định doanh nghiệp có hành vi vi phạm trong lĩnh vực kế toán, cơ quan thuế quản lý trực tiếp chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử phạt theo quy định.

**- Ngày 22/04/2019 Tổng cục thuế ban hành Công văn số 1590/TCT-DNNCN về chính sách thuế đối với khoản tiền lương của chủ công tyTNHH một thành viên:**

Về thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương chủ Công ty TNHH MTV do một cá nhân lam chủ: Khoản

tiền của Giám đốc doanh nghiệp theo loại hình này nhận được không phải la thu nhập từ tiền lương,

tiền công và không chịu thuế thu nhập cá nhân.

Về thuế thu nhập doanh nghiệp: Các chi phi tiền lương, tiền bảo hiểm, tiền thuê nhà và các dịch vụ

khác kèm theo đã chi cho Giám đốc Công ty TNHH một thành viên do một cá nhân làm chủ, (không

phân biệt có hay không tham gia trực tiếp điều hành sản xuất kinh doanh) đều thuộc khoản chi phí không được trừ khi xac định thu nhập chịu thuế TNDN.

**- Ngày 19/04/2019 Tổng Cục Thuế ban hành công văn số 1535/TCT-CS về việc chuyển nhượng chứng khoán, theo đó:**

Tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam (gọi chung là nhà thầu nước ngoài) mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng vốn thì khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo từng lần phát sinh.

Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn có trách nhiệm xác định, kê khai, khấu trừ và nộp thay tổ chức nước ngoài số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Trường hợp bên nhận chuyển nhượng vốn cũng là tổ chức nước ngoài không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp thì doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam nơi các tổ chức nước ngoài đầu tư vốn có trách nhiệm kê khai và nộp thay số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng vốn của tổ chức nước ngoài...”

**- Ngày 19/04/2019 Tổng Cục Thuế ban hành công văn số 1549/TCT-CS về việc chi phí lãi vay góp vốn điều lệ:**

Nếu sau 3 năm kể từ thời điểm cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ, doanh nghiệp chưa góp đủ vốn và không thực hiện đăng ký điều chỉnh giảm vốn với Sở Kế hoạch Đầu tư là không tuân thủ quy định. Do vậy, khoản chi phi lãi tiền vay tương ứng phần vốn điều lệ đã đăng ký còn thiếu theo tiến độ góp vốn ghi trong điều lệ của doanh nghiệp không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

**- Ngày 10/04/2019 Tổng cục Thuế ban hành công văn số 1339/TCT-CS hướng dẫn Cục Thuế TP Hà Nội về chính sách thuế:**

Theo đó, trường hợp Công ty mua nhà chung cư phục vụ cho việc lưu trú của Giám đốc Công ty, chuyên gia nước ngoài (nếu có), nếu tại Hợp đồng lao động ký với Giám đốc, chuyên gia nước ngoài quy định Công ty chi trả tiền lương (không bao gồm tiền nhà ở) và chịu trách nhiệm bố trí nơi ở cho Giám đốc, chuyên gia nước ngoài trong thời gian công tác tại Việt Nam thì Công ty được trích khấu hao đối với căn hộ do Công ty mua và tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp và tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động căn cứ vào chi phí khấu hao, tiền điện, nước và các dịch vụ khác (nếu có) tương ứng với thời gian Giám đốc, chuyên gia sử dụng nhà ở theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

**- Ngày 27/03/2019 Tổng Cục Thuế ban hành công văn số 1047/TCT-DNL về việc chi phí hỗ trợ đối với khoản chi hỗ trợ nhân viên bán hàng:**

Trường hợp Công ty thực hiện chi hỗ trợ, khuyến khích cho người lao động của Công ty bao gồm người lao động là bán hàng chuyên trách và người lao động khác tham gia bán hàng để thúc đẩy hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của Công ty. Nếu khoản chi này được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thoả ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty thì Công ty được tính khoản chi phí này vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

Khoản chi hỗ trợ, khuyến khích bán hàng này của Công ty cho người lao động được tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của người lao động. Công ty và các đơn vị thành viên có trách nhiệm kê khai, khấu trừ, nộp thuế thu nhập cá nhân đối với khoản chi hỗ trợ, khuyến khích nêu trên theo quy định.

**- Ngày 20/03/2019 Tổng Cục Thuế ban hành Công văn số 948/TCT-CST về việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, theo đó:**

Trường hợp các Công ty nước ngoài tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại Việt Nam dưới hình thức là Nhà thầu nước ngoài áp dụng chế độ kế toán tại Việt Nam và thực hiện đăng ký thuế, được cơ quan thuế cấp mã số thuế; thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế GTGT trên cơ sở kê khai doanh thu, chi phí để xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định tại Mục 2 Thông tư số 103/2014/TT-BTC khi chuyển lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh tại Việt Nam ra nước ngoài phải thực hiện theo quy định tại Thông tư số [186/2010/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/thong-tu-186-2010-tt-btc-huong-dan-chuyen-loi-nhuan-ra-nuoc-ngoai-114676.aspx) ngày 18/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của các tổ chức, cá nhân nước ngoài có lợi nhuận từ việc đầu tư trực tiếp tại Việt Nam theo quy định của Luật Đầu tư.

Trường hợp công ty nước ngoài tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại Việt Nam dưới hình thức là Nhà thầu nước ngoài không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam và thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu theo quy định tại Mục 3 Thông tư số 103/2014/TT-BTC hoặc nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế theo quy định tại Mục 4 Thông tư số 103/2014/TT-BTC khi chuyển lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh tại Việt Nam ra nước ngoài theo quy định tại Điều 11 Luật đầu tư số 67/2014/QH13 thì không phải thực hiện theo quy định tại Thông tư số [186/2010/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/thong-tu-186-2010-tt-btc-huong-dan-chuyen-loi-nhuan-ra-nuoc-ngoai-114676.aspx).

Thủ tục, hồ sơ chuyển lợi nhuận ra nước ngoài thực hiện theo quy định tại Thông tư số [186/2010/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/thong-tu-186-2010-tt-btc-huong-dan-chuyen-loi-nhuan-ra-nuoc-ngoai-114676.aspx).

**- Ngày 11/04/2019 Tổng Cục Thuế ban hành Công văn số 1352/TCT-DNNCN về chính sách thuế đối với khoản trợ cấp cho nhân viên thôi việc cao hơn quy định, theo đó:**

+ Về thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty có trách nhiệm đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động và người lao động sẽ được hưởng trợ cấp thất nghiệp được chi trả bởi Cơ quan Bảo hiểm thất nghiệp. Trường hợp Công ty chi trả khoản trợ cấp thôi việc cho người lao động cao hơn mức quy định của Bộ Luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội thì không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC.

+ Về thuế thu nhập cá nhân: trường hợp Công ty chi trả tiền lương và trợ cấp thôi việc (phần vượt mức quy định của Bộ luật Lao động) từ hai triệu (2.000.000) đồng/lần trở lên cho người lao động sau khi đã chấm dứt hợp đồng lao động thì Công ty phải thực hiện khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo mức 10% trên tổng thu nhập chi trả cho người lao động theo hướng dẫn tại Điểm i, Khoản 1, Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTCngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính.

**- Ngày 21/05/2019 Tổng Cục Thuế ban hành Công văn số 2009/TCT-CS về chính sách thuế TNDN, theo đó:**

Từ năm 2009, pháp luật về đầu tư và pháp luật về thuế TNDN không có quy định về di chuyển địa điểm dự án đầu tư hay về ưu đãi bảo lưu ưu đãi khi doanh nghiệp di chuyển địa điểm kinh doanh.

Trước 01/01/2014, pháp luật thuế TNDN xét ưu đãi thuế TNDN theo đối tượng là doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh thành lập mới từ dự án đầu tư. Từ 01/01/2014, ưu đãi thuế TNDN xét theo đối tượng là dự án đầu tư, không phụ thuộc vào việc thành lập/thay đổi pháp nhân để thực hiện dự án đó. Do đó, mặc dù trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty chỉ thay đổi địa chỉ trụ sở chính nhưng trên thực tế, Công ty đã thay đổi dự án đầu tư (hoạt động tại địa bàn tỉnh/thành phố khác và chấm dứt hoạt động của dự án cũ tại địa bàn cũ) nên không thuộc diện áp dụng quy định tại Khoản 3 Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC.

**- Ngày 26/04/2019 Cục Thuế TP. Hà Nội ban hành Công văn số 26999/CT-TTHT về việc phân bổ quyền sử dụng đất thuê có thời hạn vào chi phí được trừ, theo đó:**

Quy định tại điểm e khoản 2.2 Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC, quyền sử dụng đất có thời hạn nếu có đầy đủ hóa đơn chứng từ và thực hiện đúng các thủ tục theo quy định, có tham gia vào hoạt động SXKD thì được phân bổ dần vào chi phí hợp lý theo thời hạn được phép sử dụng đất ghi trong giấy chứng nhận.

Trường hợp Công ty nhận chuyển nhượng đất thuê đã trả trước tiền thuê nhiều năm và đã được cấp giấy chứng nhận theo thời hạn thuê đất còn lại, Công ty đã xây dựng nhà để xe trên một phần lô đất nay tiến hành xây dựng nhà máy mới trên lô đất này, nếu có đủ hóa đơn chứng từ và thực hiện đúng các thủ tục theo quy định thì được phân bổ dần chi phí theo thời hạn sử dụng đất ghi trong giấy chứng nhận, bao gồm cả trường hợp dừng hoạt động để sửa chữa, đầu tư xây mới (Phân bổ theo thời gian từ khi xây dựng nhà máy đến hết thời hạn thuê đất là không phù hợp).

**- Ngày 10/06/2019 Cục Thuế TP. Hà Nội ban hành Công văn số 44290/CT-TTHT về chính sách thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vốn, theo đó:**

Quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 12/2015/NĐ-CP, doanh nghiệp nước ngoài nếu có phát sinh thu nhập từ chuyển nhượng vốn tại Việt Nam thì phải khai nộp thuế TNDN tại Việt Nam.

Trường hợp Công ty nước ngoài chuyển nhượng vốn cho Công ty khác cũng ở nước ngoài nhưng phần vốn chuyển nhượng có nguồn gốc ở Việt Nam thì phải nộp thuế TNDN tại Việt Nam, không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành kinh doanh.

Số thuế TNDN phải nộp được xác định căn cứ vào doanh thu, giá vốn và chi phí của hoạt động chuyển nhượng vốn.

Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng vốn đều là các Công ty ở nước ngoài thì Công ty Việt Nam nơi có vốn chuyển nhượng chịu trách nhiệm kê khai nộp thay thuế TNDN (tiết c khoản 2 Điều 14 Thông tư 78/2014/TT-BTC).

**- Ngày 18/04/2019 Cục Thuế TP. Hà Nội ban hành Công văn số 21842/CT-TTHT về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN, theo đó:**

Khoản chi phí thuê nhà xưởng trong giai đoạn Công ty bắt đầu SXKD, chưa phát sinh doanh thu là khoản chi thường xuyên để duy trì hoạt động SXKD (không phải là khoản chi đầu tư xây dựng để hình thành TSCĐ), nếu đáp ứng điều kiện tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC thì được phép hạch toán.

Đối với TSCĐ sử dụng trong giai đoạn trước khi đi vào sản xuất chính thức, Công ty được trích khấu hao bắt đầu từ ngày (theo số ngày của tháng) hạch toán tăng TSCĐ theo pháp luật về kế toán.

Riêng tài sản là công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển,... không đáp ứng tiêu chuẩn là TSCĐ được phân bổ dần vào chi phí SXKD nhưng tối đa không quá 3 năm.

Đối với chi phí trong giai đoạn sản xuất thử nếu đáp ứng điều kiện tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC thì cũng được chấp nhận hạch toán.

Về nguyên tắc, các khoản chi nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa nếu đáp ứng điều kiện tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC thì được tính vào chi phí hợp lý, trừ phần chi vượt định mức đối với một số nguyên vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa đã được Nhà nước ban hành định mức.



**- Ngày 12/07/2019 Bộ tài chính ban hành Thông tư số 42/2019/TT-BTC về việc bãi bỏ Thông tư số 128/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc giảm thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân làm việc tại khu kinh tế.**

**- Ngày 08/04/2019 Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 1285/TCT-DNNCN về việc xác định số thuế TNCN được giảm tại Khu kinh tế năm 2018, theo đó:**

Công văn hướng dẫn cách tính số thuế TNCN được giảm khi quyết toán thuế năm 2018 đối với những người lao động làm việc tại khu kinh tế.

Khác với các năm trước, kể từ 10/7/2018, người lao động làm việc trong khu kinh tế sẽ phải nộp đủ 100% thuế TNCN, không còn được giảm 50% thuế do Nghị định 82/2018/NĐ-CP đã bỏ chính sách này.

Như vậy, năm 2018, những người lao động làm việc trong khu kinh tế chỉ được giảm thuế TNCN từ ngày 1/1/2018 đến ngày 9/7/2018, giai đoạn sau đó không được giảm.

Số thuế TNCN được giảm năm 2018 tính theo công thức như sau:

*Thuế được giảm = Tổng số thuế phải nộp trong năm x [(Thu nhập chịu thuế tại KKT từ 1/1/2018 - 9/7/2018)/(Tổng thu nhập chịu thuế trong năm)] x 50%.*

Tổng số thuế phải nộp trong năm: được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công phát sinh trong năm tính thuế.

Tổng thu nhập chịu thuế trong năm: là thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công nhận được bao gồm cả thu nhập trong và ngoài khu kinh tế (nếu có).

**- Ngày 11/04/2019 Tổng cục Thuế ban hành công văn số 1353/TCT-DNNCN hướng dẫn Cục Thuế tỉnh Bình Thuận về vướng mắc thuế TNCN.**

Theo đó, trường hợp trong năm 2018 người lao động là cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động hoặc ký hợp đồng lao động dưới ba tháng chưa trích khấu trừ 10% do có bản cam kết theo quy định tại điểm i, khoản 1, Điều 25, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính nhưng trong quá trình kiểm tra cơ quan thuế phát hiện có sự gian lận về cam kết của người nhận thu nhập thì cá nhân nhận thu nhập bị xử phạt vi phạm thủ tục hành chính thuế theo các quy định tại điểm a, khoản 2, điều 6 và khoản 2, Điều 10, Thông tư số 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính.

**- Công văn số 1287/TCT-DNNCN ngày 08/4/2019 về vướng mắc liên quan đến hoạt động chuyển nhượng vốn của cá nhân**

Cá nhân chuyển nhượng vốn góp trong công ty không phải là công ty cổ phần thì thu nhập nhận được được xác định là chuyển nhượng vốn. Theo đó thuế suất đối với cá nhân chuyển nhượng vốn là 20% nhân với thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng phần vốn góp được xác định bằng giá chuyển nhượng trừ giá mua của phần vốn chuyển nhượng và các chi phí hợp lý liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ chuyển nhượng vốn.

Trường hợp, qua kiểm tra thuế, thanh tra thuế, có căn cứ chứng minh người nộp thuế kê khai không chính xác, trung thực dẫn đến xác định các yếu tố làm căn cử tính số thuế phải nộp không phù hợp thì Cục Thuế thực hiện ấn định giá chuyển nhượng của cá nhân theo quy định tại Luật quản lý thuế.

**- Công văn số 1211/TCT-DNNCN ngày 04/4/2019 về chính sách thuế đối với hoạt động chuyển nhượng cổ phần của cá nhân trong công ty cổ phần**

“Cổ phiếu” là hình thức thể hiện “cổ phần”, do đó, các cá nhân chuyển nhượng vốn trong công ty cổ phần theo quy định tại luật Doanh nghiệp và luật Chứng khoán được xác định là thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

Căn cứ pháp luật về thuế TNCN và các văn bản hướng dẫn thì cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán thực, hiện khai, nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng theo hướng dẫn tại Điều 16 và Điều 21 Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

**- Công văn số 2355/TCT-DNNCN ngày 10/6/2019 về nghĩa vụ khấu trừ Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) của tổ chức chi trả khi thuê cá nhân kinh doanh làm người lao động**

+ Trường hợp Công ty ký hợp đồng lao động với cá nhân thì Công ty thực hiện các quy định về khấu trừ Thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và thực hiện quyết toán Thuế TNCN theo ủy quyền của cá nhân theo quy định, không phân biệt cá nhân là chủ hộ kinh doanh hay không phải là chủ hộ kinh doanh.

+ Trường hợp Công ty ký hợp đồng dịch vụ với cá nhân đáp ứng tác điều kiện là thương nhân như: có đăng ký kinh doanh cùng ngành nghề hoặc có đăng ký thuế theo hình thức hộ kinh doanh cùng ngành nghề với hợp đồng dịch vụ, thì Công ty không khấu trừ thuế TNCN mà cá nhân (hộ kinh doanh) phải cấp hóa đơn (nếu thuộc diện được sử dụng hóa đơn) hoặc lập Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ mua vào không có hóa đơn mẫu số 01/TNDN (nếu không thuộc diện được sử dụng hóa đơn).

+ Trường hợp Công ty ký hợp đồng với cá nhân khác với trường hợp nêu trên thì Công ty thực hiện khấu trừ theo quy định về tiền lương, tiền công theo thuế suất 10% trước khi trả cho cá nhân.

**- Ngày 24/04/2019 Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 1650/TCT-DNNCN về chính sách thuế TNCN đối với khoản chi phí nghỉ mát cho nhân viên, theo đó:**

Quy định tại điểm đ.3.2 khoản 2 Điều 2 Thông tư 111/2013/TT-BTC, khoản chi dịch vụ chăm sóc sức khỏe, vui chơi, giải trí... cho người lao động nếu nội dung chi trả ghi rõ tên cá nhân được hưởng thì phải tính thuế TNCN, nếu ghi chi chung cho tập thể người lao động thì được miễn thuế.

Trường hợp Văn phòng đại diện nước ngoài có khoản chi cho người lao động đi nghỉ mát bằng quỹ phúc lợi, nếu ghi rõ tên cá nhân được hưởng thì phải khấu trừ thuế TNCN.

Ngược lại, nếu ghi chi chung cho tập thể người lao động, không ghi cụ thể tên người được hưởng thì được miễn khấu trừ thuế.

**- Ngày 29/03/2019 Cục Thuế TP. Hà Nội ban hành Công văn số 13697/CT-TTHT về chính sách thuế đối với thu nhập của Giám đốc Công ty TNHH MTV, theo đó:**

Khoản tiền lương mà chủ sở hữu kiêm giám đốc công ty TNHH một thành viên nhận được do chính bản thân giám đốc chi trả không phải là thu nhập của người lao động nhận được từ người sử dụng lao động, do đó không phải chịu thuế TNCN từ tiền lương, tiền công.

Tuy nhiên, toàn bộ tiền lương, tiền công và các khoản chi theo lương, kể cả khoản đóng bảo hiểm của giám đốc kiêm chủ công ty TNHH một thành viên đều không được hạch toán, cho dù có tham gia điều hành công ty (điểm d khoản 2.6 Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC).

Theo khoản 2 Điều 2 Thông tư 111/2013/TT-BTC, tiền lương, tiền công chịu thuế TNCN là thu nhập người lao động nhận được từ người sử dụng lao động.

Điều 90 Bộ luật lao động số 10/2012/QH13 định nghĩa tiền lương như sau: "Tiền lương là khoản tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động để thực hiện công việc theo thỏa thuận".

**- Ngày 03/05/2019 Cục Thuế TP. Hà Nội ban hành Công văn số 28507/CT-TTHT về chi phí mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ, theo đó:**

Quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư 25/2018/TT-BTC, khoản chi mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện và bảo hiểm nhân thọ cho người lao động được hạch toán nếu không quá 3 triệu đồng/tháng/người.

Ngoài ra, các khoản chi này còn phải đáp ứng điều kiện được ghi cụ thể điều kiện hưởng và mức hưởng tại HĐLĐ, Thỏa ước lao động, Quy chế tài chính hoặc Quy chế thưởng; và doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đóng bảo hiểm bắt buộc.

**- Ngày 29/05/2019 Cục Thuế TP. Hà Nội ban hành Công văn số 39722/CT-TTHT về thuế TNCN đối với trường hợp trợ cấp 1 lần cho nhân viên nghỉ việc, theo đó:**

Trường hợp Công ty có chi trả trợ cấp mất việc và khoản hỗ trợ tài chính cho người lao động bị chấm dứt HĐLĐ trước thời hạn, nếu khoản trợ cấp mất việc chi trả đúng theo quy định tại Bộ luật lao động thì được miễn khấu trừ thuế TNCN (điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư 111/2013/TT-BTC).

Tuy nhiên, nếu Công ty trả trợ cấp mất việc cao hơn mức quy định trong luật thì phần trợ cấp cao hơn phải tổng hợp vào tiền lương để tính thuế TNCN theo biểu lũy tiến.

Đối với khoản hỗ trợ tài chính trả thêm cho người lao động sau khi chấm dứt HĐLĐ, nếu mức hỗ trợ cao hơn 2 triệu đồng thì phải khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% (điểm i khoản 1 Điều 25 Thông tư 111/2013/TT-BTC).

**- Ngày 26/04/2019 Cục Thuế TP. Hà Nội ban hành Công văn số 26991/CT-TTHT về thuế TNCN, theo đó:**

Trường hợp Công ty điều động một số nhân viên từ Chi nhánh về trụ sở chính làm việc từ 3 tháng trở lên thì thực hiện khấu trừ thuế TNCN "lũy tiến" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 Thông tư 111/2013/TT-BTC, kể cả nhân viên có HĐLĐ ở nhiều nơi.

Đối với các nhân viên điều động về trụ sở chính từ 3 tháng trở lên, được ủy quyền cho Công ty quyết toán thay thuế TNCN nếu không có thêm thu nhập ở nơi nào khác (điểm a.4 khoản 3 Điều 21 Thông tư 92/2015/TT-BTC).

Trường hợp Công ty có điều động nhân viên từ Chi nhánh về trụ sở chính làm việc ngắn hạn dưới 3 tháng thì thực hiện khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 25 Thông tư 111/2013/TT-BTC. Các nhân viên này sẽ không được ủy quyền cho Công ty quyết toán thay thuế TNCN.

**THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT**

**- Ngày 01/02/2019 Chính phủ ban hành Nghị định số 14/2019/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB).**

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 20/03/2019, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ cụ thể như sau:

Về đối tượng không chịu thuế: Bao gồm cả tàu bay sử dụng cho mục đích phun thuốc trừ sâu, chữa

cháy, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ. (trước đây không quy định)

Về thủ tục, hồ sơ, trình tự và thẩm quyền giải quyết hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (trước đây không quy

định cụ thể cho từng trường hợp):

*+ Đối với hàng hóa tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu: thực hiện như quy định về hoàn thuế nhập khẩu tại*

*Điều 34 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ.*

*+ Đối với hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu: thực hiện như quy*

*định về hoàn thuế nhập khẩu tại Điều 36 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP nêu trên. Nếu tờ khai nhập*

*khẩu có tiền thuế nhập khẩu, tiền thuế TTĐB đề nghị hoàn th. hồ sơ hoàn thuế nhập khẩu đồng thời*

*là hồ sơ hoàn thuếTTĐB.*

Về khấu trừ thuế:

*+ Người nộp thuế sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB bằng các nguyên liệu chịu thuế*

*TTĐB được khấu trừ số thuế TTĐB đã nộp đối với nguyên liệu nhập khẩu (bao gồm cả số thuế TTĐB*

*được nộp theo Quyết định ấn định thuế của cơ quan hải quan, trừ trường hợp cơ quan hải quan xử*

*phạt về gian lận, trốn thuế) hoặc được trả đối với nguyên liệu mua trực tiếp từ cơ sở sản xuất trong*

*nước khi xác định số thuế TTĐB phải nộp. Số thuế TTĐB được khấu trừ tương ứng với số thuế TTĐB của nguyên liệu sử dụng để sản xuất hàng hóa chịu thuế TTĐB bán ra.*

Riêng đối với mặt hàng xăng sinh học: hồ sơ, trình tự, thẩm quyền giải quyết hoàn trả thuế TTĐB

được quy định riêng (trước đây không quy định).

*+ Nghị định cũng quy định điều kiện khấu trừ thuế TTĐB cho từng trường hợp cụ thể về Nhập khẩu*

*nguyên liệu chịu thuế TTĐB để sản xuất hàng hóa chịu thuế TTĐB, nhập khẩu hàng hóa chịu thuế*

*TTĐB, mua nguyên liệu trực tiếp của nhà sản xuất trong nước (trước đây không quy định rõ)*

*+ Người nộp thuế TTĐB thực hiện nộp Tờ khai thuế TTĐB theo Mẫu số 01/TTĐB va Bảng xác định*

*thuế TTĐB được khấu trừ (nếu có) theo Mẫu số 01-1/TTĐB kem theo Nghị định (trước đây không*

*quy định).*

**THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU**

**- Ngày 12/03/2019 Tổng cục Hải quan ban hành Công văn số 736/GSQL-GQ1 về việc xác định thời điểm nhập khẩu mặt hàng ô tô tải đã qua sử dụng, theo đó:**

Quy định tại mục II.9.d Phụ lục I Nghị định 69/2018/NĐ-CP, ô tô đã qua sử dụng quá 5 năm (tuổi), tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu thuộc diện bị cấm nhập khẩu về Việt Nam.

"Năm nhập khẩu" làm căn cứ tính tuổi ô tô được xác định là thời điểm ô tô về đến cảng Việt Nam (điểm 1 mục II Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTM-BGTVT-BTC-BCA).

Tùy phương thức khai hải quan, "thời điểm ô tô cập cảng hoặc đến cửa khẩu" được xác định như sau (Công văn số 1417/BGTVT-KHCN ngày 20/2/2019):

- Nếu khai hải quan điện tử, là ngày ô tô đến cửa khẩu theo thông báo của hãng vận tải trên Hệ thống dữ liệu điện tử hải quan.

- Nếu khai hải quan thủ công, là ngày cơ quan hải quan đóng dấu lên bản khai hàng nhập khẩu tại cảng dỡ hàng trong hồ sơ phương tiện vận tải nhập cảnh (đường biển, đường hàng không, đường sắt) hoặc ngày ghi trên tờ khai phương tiện vận tải qua cửa khẩu hoặc sổ theo dõi phương tiện vận tải (đường sông, đường bộ).

**- Ngày 05/04/2019 Tổng cục Hải quan ban hành Công văn số 1966/TCHQ-TXNK về thuế nhập khẩu và thuế GTGT, theo đó:**

Quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định 134/2016/NĐ-CP, máy móc nhập khẩu theo hợp đồng gia công được miễn thuế, tuy nhiên không có quy định miễn thuế đối với máy móc nhập khẩu theo hợp đồng thuê mượn.

Theo đó, trường hợp doanh nghiệp nội địa nhập khẩu máy móc từ DNCX, nếu nhập theo hợp đồng gia công thì được miễn thuế nhập khẩu. Ngược lại, nếu nhập theo hợp đồng thuê mượn thì phải chịu thuế.

Trường hợp doanh nghiệp nội địa cung cấp dịch vụ sửa chữa máy móc cho DNCX, nếu địa điểm sửa chữa và tiêu dùng ở ngoài DNCX thì không được hưởng thuế GTGT 0% theo Điều 9 Thông tư 219/2013/TT-BTC.

**- Ngày 06/05/2019 Bộ Tài chính ban hành Công văn số 5167/BTC-CST về việc gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu, theo đó:**

Tại phiên họp thường kỳ tháng 11/2018, Chính phủ đã thống nhất dừng thực hiện giải pháp gia hạn nộp thuế và hoàn thuế GTGT của Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 25/8/2014 (áp dụng cho dự án có trị giá nhập khẩu máy móc thiết bị từ 100 tỷ đồng trở lên) và giao Bộ này ban hành văn bản hướng dẫn.

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 18/2019/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư 134/2014/TT-BTC nhằm dừng áp dụng chính sách ân hạn và hoàn thuế GTGT nhanh cho các dự án đầu tư có trị giá nhập khẩu máy móc thiết bị từ 100 tỷ đồng trở lên kể từ ngày 20/5/2019.

Đối với các hồ sơ xin ân hạn đã nộp cho cơ quan hải quan trước ngày 20/5/2019 thì vẫn được giải quyết ân hạn nộp theo quy định tại Thông tư 134/2014/TT-BTC.

**- Ngày 22/04/2019 Bộ tài chính ban hành Công văn số 4693/BTC-TCHQ về trị giá hải quan hàng xuất khẩu, theo đó:**

Quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP và khoản 15 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC, trị giá hải quan hàng xuất khẩu là giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất, không bao gồm phí bảo hiểm quốc tế (I) và phí vận tải quốc tế (F).

Phí bảo hiểm quốc tế (I) và phí vận tải quốc tế (F) được miễn tính thuế xuất khẩu.

Công văn này thay thế các nội dung về xác định trị giá hải quan cho hàng hóa xuất khẩu tại các công văn số 15634/BTC-CST ngày 02/11/2016, công văn số 16486/BTC-CST ngày 06/12/2017; công văn số 4052/TCHQ-TXNK ngày 10/7/2018 và Mục 1 Thông báo số 5898/TB-TCHQ ngày 09/10/2018.

**THUẾ NHÀ THẦU**

**Ngày 18/03/2019 Tổng Cục Thuế ban hành Công văn số 903/TCT-CS về chính sách thuế nhà thầu:**

Theo hợp đồng giao gia công, các doanh nghiệp giao gia công chuyển tiền phí bản quyền cho doanh

nghiệp nhận gia công để trả hộ cho các doanh nghiệp sở hữu bản quyền ở nước ngoài và không nằm

trong đơn giá gia công thà đây chỉ là khoản thu hộ, chi hộ của doanh nghiệp nhận gia công. Giữa các

doanh nghiệp sở hữu bản quyền ở nước ngoài và doanh nghiệp nhận gia công không có bất kỳ hợp đồng nào liên quan đến việc cung cấp bản quyền. Nếu khoản thu nhập mà các doanh nghiệp sở hữu

bản quyền ở nước ngoài nhận được là phát sinh tại nước ngoài thi các doanh nghiệp sở hữu bản quyền

ở nước ngoài không thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư số 103/2014/TT-BTC về thuế nhà thầu, còn

trường hợp phát sinh tại Việt Nam thì thuộc đối tượng của Thông tư này.

**- Ngày 19/04/2019 Tổng Cục Thuế ban hành Công văn số 1544/TCT-CS về chính sách thuế nhà thầu:**

+ Doanh nghiệp nước ngoài (người bán) ký hợp đồng với doanh nghiệp Việt Nam (người mua) để cung

cấp hàng hóa cho doanh nghiệp Việt Nam theo điều kiện giao hàng CIF không kèm theo bất kỳ dịch vụ

nào khác ngoại trừ điều khoản bảo hành la trách nhiệm và nghĩa vụ của người bán (nếu có) thì doanh

nghiệp nước ngoài không thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư 103/2014/TT-BTC hướng dẫn thực

hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu

nhập tại Việt Nam.

+ Doanh nghiệp nước ngoài (nhà mô giới) ký hợp đồng với doanh nghiệp Việt Nam đề cung cấp dịch vụ Hedging bảo hiểm (phòng chống rủi ro) biến động giá nguyên liệu và phát sinh khoản thu nhập do

doanh nghiệp Việt Nam trả thì doanh nghiệp nước ngoài thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư số

103/2014/TT-BTC. Doanh nghiệp Việt Nam có trách nhiệm kê khai, khấu trừ, nộp thuế nhà thầu thay cho doanh nghiệp nước ngoài theo tỷ lệ % để tinh thuế GTGT trên doanh thu là 5%, tỷ lệ % tinh thuế

TNDN tính trên doanh thu tính thuế là 5% đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ.

**QUẢN LÝ THUẾ**

**- Ngày 26/03/2019 Tổng cục Thuế ban hành công văn số 1021/TCT-DNL hướng dẫn Cục Thuế TP Hà Nội về việc đăng ký thông tin tài khoản ngân hàng.**

Theo đó, tại Thông báo nội dung đăng ký doanh nhiệp tại phụ lục II-I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp có phần thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế. Trong đó thông tin đăng ký tài khoản ngân hàng (thông tin số 8) thuộc nội dung về đăng ký thuế.

Do đó doanh nghiệp thực hiện đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin tài khoản ngân hàng theo quy định tại Nghị định số 78/2015/NĐ-CP và Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT. Trường hợp doanh nghiệp phát sinh thay đổi, bổ sung thông tin về tài khoản ngân hàng có doanh nghiệp làm chủ tài khoản thì doanh nghiệp gửi thông báo theo mẫu quy định tại Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT đến Phòng đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính theo quy định, không phải khai báo thông tin thay đổi với cơ quan thuế.

**HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ**

**- Ngày 26/04/2019 Cục Thuế TP. Hà Nội ban hành Công văn số 27002/CT-TTHT về việc sử dụng hóa đơn đặt in, theo đó:**

Quy định tại Điều 36 Nghị định 119/2018/NĐ-CP, các hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in được tiếp tục sử dụng đến 31/12/2020, sau thời điểm này mới bắt buộc chuyển sang hóa đơn điện tử.

Trường hợp Công ty đã dùng hết hóa đơn đặt in và vẫn có nhu cầu sử dụng tiếp hóa đơn đặt in phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty thì được tiếp tục áp dụng hóa đơn đặt in cho đến khi chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định 119/2018/NĐ-CP .

**- Ngày 30/05/2019 Cục Thuế TP. Hà Nội ban hành Công văn số 40632/CT-TTHT về việc sử dụng hóa đơn điện tử, theo đó:**

Quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư 39/2014/TT-BTC, các doanh nghiệp thuộc diện bắt buộc mua hóa đơn của Thuế phải sử dụng hóa đơn do cơ quan thuế cấp trong thời hạn 12 tháng. Hết 12 tháng, căn cứ tình hình sử dụng hóa đơn, việc khai nộp thuế và đề nghị của doanh nghiệp, cơ quan thuế sẽ xem xét cho doanh nghiệp tự tạo hóa đơn.

Trường hợp Công ty mua hóa đơn của cơ quan Thuế chưa đủ 12 tháng thì không được chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử. Công ty bắt buộc phải mua hóa đơn của cơ quan Thuế đủ 12 tháng mới được xem xét cho sử dụng hóa đơn điện tử.

|  |
| --- |
| **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN ACA MIỀN TRUNG**  ACAMT CONSULTING AND AUDITING COMPANY LIMITED  P.801 - CT1A – P. Quang Trung - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An  Điện thoại: 02383 848 810 Fax: 02383 560 040  Web: kiemtoanmientrung.com  Email: [dungna.aca@gmail.com](mailto:dungna.aca@gmail.com) |

